**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**Số: 34BCF/QNS/2020**

# BÁNH MỀM SÔ CÔ LA CHOCOVINA

**2020**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 34BCF/QNS/2020

## I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0255.3726110 - 0255.8567171;

Fax: 0255.3822843 - 0255.3811274.

E-mail: info@qns.com.vn; biscafun@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 4300205943

## II. Thông tin về sản phẩm:

### 1. Tên sản phẩm:

BÁNH MỀM SÔCÔLA CHOCOVINA

### 2. Thành phần:

**Bánh nền:** Bột mỳ, mạch nha, đường, chất béo (shortening), bột sữa béo, muối, chất tạo xốp (500ii, 503ii), chất điều chỉnh độ acid (341i), hương thực phẩm tổng hợp (vanilla), chất bảo quản (202).

**Kem:** Mạch nha, đường, gelatine, đạm đậu nành, hương thực phẩm tổng hợp (vani).

**Sôcôla (20%):** Đường, chất béo (CBR), bột sữa gầy, bột ca cao, bột whey, ca cao mass, chất nhũ hóa (322i, 476), hương thực phẩm tổng hợp (vani, sôcôla).

### 3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

### 4. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

### 4.1. Chất liệu bao bì:

Bánh được đóng gói từng cái một bằng giấy OPP20/MCPP25. Các gói bánh được đựng trong hộp giấy cứng hoặc túi PE, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

Hộp bánh hoặc túi PE được đựng trong thùng carton với khối lượng thích hợp.

### 4.2. Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng trong các loại bao bì với khối lượng tịnh: 156 g, 200 g, 216 g, 252 g, 264 g, 336 g, 440 g, ...

-Tùy theo nhu cầu của thị trường trọng lượng gói bánh có thể thay đổi cho phù hợp.

- Sản phẩm được đóng gói phù hợp theo Thông tư số: 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Bánh kẹo Biscafun - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

**1. Quy định của các văn bản kỹ thuật:**

- Quyết định số: 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19/12/2007: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

**2. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số:** TCCS 34:2020/BCF-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 12 năm 2020*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 4300205943 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - TP.QUẢNG NGÃI-T.QUẢNG NGÃI

Võ Thành Đàng

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2**
*DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY*
***QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER2***
**Website:** quatest2.gov.vn; **Email:** info@quatest2.gov.vn

VILAS 023
VIMCERTS 119

Số/*№*: 1378/4- K8/ 4969 /KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 11/9/2020 

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*

1. Tên mẫu/*Name of sample*: **BÁNH MỀM SÔ CÔ LA CHOCOVINA**
2. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*:
3. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01
4. Tình trạng mẫu/*State of sample*: Mẫu nguyên hộp 336g (x 2 hộp)
5. Khách hàng/*Client*: NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
6. Địa chỉ/*Address*: KCN Quảng Phú, 02 Nguyễn Chí Thanh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 27/8/2020
8. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 27/8/2020 đến ngày/*to*: 10/9/2020
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

| TT/ *Item* | TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test property, unit* | | PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test method* | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test result* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ ẩm | g/100g | TCVN 4069:2009 | 11,8 |
| 2 | Hàm lượng chất béo | g/100g | TCVN 6555:2017 | 18,5 |
| 3 | Hàm lượng Carbohydrate | g/100g | KT2.K2.TN-14/TP | 58,5 |
| 4 | Hàm lượng Protein | g/100g | TCVN 8125:2015 | 4,54 |
| 5 | Hàm lượng Cd | mg/kg | AOAC 999.11 | < 0,05 (MQL) |
| 6 | Hàm lượng Pb | mg/kg | AOAC 999.11 | < 0,05 (MQL) |
| 7 | Hàm lượng As | mg/kg | AOAC 986.15 | KPH (MDL = 0,015) |
| 8 | Hàm lượng Hg | mg/kg | AOAC 971.21 | KPH (MDL = 0,015) |
| 9 | Aflatoxin B1 | µg/kg | AOAC 991.31 | KPH (MDL = 0,5) |
| 10 | Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/kg | AOAC 991.31 | KPH (MDL = 1,0) |
| 11 | Ochratoxin A | µg/kg | AOAC 2000.09 | KPH (MDL = 0,5) |
| 12 | Deoxynivalenol | µg/kg | KT2.K8.TN-07/S | KPH (MDL = 150) |
| 13 | Zearalenone | µg/kg | KT2.K8.TN-07/S | KPH (MDL = 5,0) |



Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

Số/*No*: 1378/4- K8/ 4969 /KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 11/9/2020 

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*

| TT/ *Item* | TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test property, unit* | | PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test method* | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test result* |
|---|---|---|---|---|
| 14 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | TCVN 4884-1:2015 | KPH (< 10) |
| 15 | *Coliforms* | CFU/g | TCVN 6848:2007 | KPH (< 10) |
| 16 | *E.coli* | MPN/g | TCVN 6846:2007 | KPH (< 3) |
| 17 | *Clostridium perfringens* | CFU/g | TCVN 4991:2005 | KPH (< 10) |
| 18 | *Bacillus cereus* giả định | CFU/g | TCVN 4992:2005 | KPH (< 10) |
| 19 | *Staphylococci* có phản ứng dương tính với Coagulase (*S.aureus* và các loài khác) | CFU/g | TCVN 4830-1:2005 | KPH (< 10) |
| 20 | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g | TCVN 8275-2:2010 | KPH (< 10) |

**Ghi chú/*Notes*:**
- KPH: không phát hiện/*Not detectable;*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi/*The test results are valid only for the received sample from client;*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng/*The sample, mark, client and address are named by client's requirements*;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2;*
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/*QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.*
- (NA): Phép thử chưa được BoA công nhận/*Test method is not accreditated by BoA.*
- (S): Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ/*Tested by Subcontractor.*
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Method Quantification Limit.*

**PHỤ TRÁCH PHÒNG KỸ THUẬT 8**
*Head of Technical Division 8*

**Đặng Tuấn Kiệt**

**KT. GIÁM ĐỐC**
*Director*

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung



Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943-022 C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN
- CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG

Mai Văn Hùng

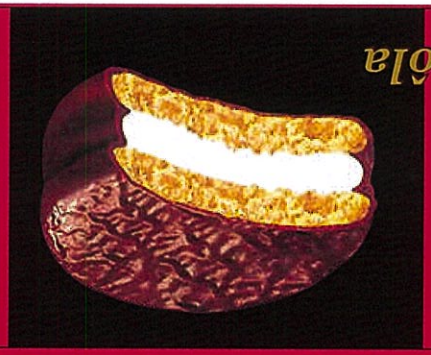

Bánh mềm Sôcôla

ChocoVina®

BiscaFun

# ChocoVina®

Chocolate pie with Chewing Marshmallow Cream


Contents: 6 pieces

Khối lượng tịnh:
168 g
(6 cái x 28 g)

tai dán

34-2

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943-0... C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

OPEN

BiscaFun

ChocoVina®

Bánh mềm Sôcôla

# ChocoVina®

Chocolate pie with Chewing Marshmallow Cream


Contents: 6 pieces

Khối lượng tịnh:
**168 g**
**(6 cái x 28 g)**

BiscaFun

ChocoVina®

Bánh mềm Sôcôla

**THÀNH PHẦN:**
Bánh nền: Bột mỳ, mạch nha, đường, chất béo (shortening), bột sữa béo, muối, chất tạo xốp (500ii, 503ii), chất điều chỉnh độ acid (341i), hương thực phẩm tổng hợp (vanilla), chất bảo quản (202).
Kem: Mạch nha, đường, gelatine, đạm đậu nành, hương thực phẩm tổng hợp (vani).
Sôcôla (20%): Đường, chất béo (CBR), bột sữa gầy, bột ca cao, bột whey, ca cao mass, chất nhũ hóa (322i, 476), hương thực phẩm tổng hợp (vani, sôcôla).

**INGREDIENTS:**
Cake: Wheat flour, glucose syrup, sugar, fat (shortening), whole milk powder, salt, leavening agents (500ii, 503ii), acidity adjusting agent (341i), artificial flavour (vanilla), preservative (202).
Cream: Glucose syrup, sugar, gelatine, soy protein, artificial flavour (vanillin).
Chocolate coating (20%): Sugar, fat (CBR), skim milk powder, cocoa powcer, whey powder, cocoa mass, emulsifiers (322i, 476), artificial flavours (vanillin, chocolate).

**Khuyến cáo:** Không dùng cho người mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần kể trên.
**Recommendations:** Do not use for people who are sensitive or allergic to the above components.

**CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU**
**( MAIN QUALITATIVE TARGETS)**
Độ ẩm ( Moisture): ≤14 % khối lượng

Vietnam Value

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

NUTRITION FACTS

| Serving Size: | 100g |
|---|---|
| Serving Per Container: | |
| **Amount Per Serving** | |
| Calories 418.66 | Calories from Fat 166.5 |
| | **% Daily Value*** |
| **Total Fat 18.5g** | **28.46%** |
| **Total Carbohydrate 58.5g** | **19.5%** |
| **Protein 4.54g** | |
| . Vitamin A 0% | . Vitamin C 0% |
| . Calcium 0% | . Iron 0% |

*Percent Daily Values are based on a 2,000 calories diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calories needs.

| | Calories 2,000 | 2,500 |
|---|---|---|
| Total Fat | Less than 65g | 80g |
| Sat fat | Less than 20g | 25g |
| Cholesterol | Less than 300mg | 300mg |
| Sodium | Less than 2,400mg | 2,400mg |
| Total Carbohydrate | 300g | 375g |
| Dietary Fiber | 25g | 30g |

Calories per gram
Fat 9 · Carbohydrate 4 · Protein 4

**Hướng dẫn bảo quản:**
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.
Keep in dry and cool place, avoid from direct sunlight.

NSX & HSD: Xem trên bao bì
PRO & EXPIRY DATE: As shown on the packing

8 934614 011072

**Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn, không sử dụng khi bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ hay quá hạn sử dụng.
Product is only used while the packing is undamaged, not use while the packing is open, torn and having unusual taste and smell or over expiry date.

Sản xuất tại:
**NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**
Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Manufactured by:
**BISCAFUN CONFECTIONERY FACTORY - BRANCH OF QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY**
Address: 02 Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province, Vietnam.

**Tel:** (84) 0255 3822 153 **Email:** info@biscafun.com.vn

34.12

Bánh mềm Sôcôla

ChocoVina®

BiscaFun

BiscaFun

# ChocoVina®

Chocolate pie with Chewing Marshmallow Cream

PREMIUM NEW QUALITY

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943-022-C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng


Contents: 12 pieces

Khối lượng tịnh / Net weight:
336 g (12 cái x 28 g)

34.L

tại đan

OPEN

BiscaFun

ChocoVina®

Bánh mềm Sôcôla

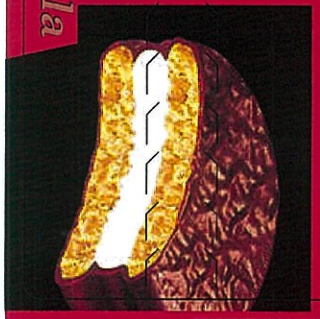

BiscaFun

# ChocoVina®

Chocolate pie with Chewing Marshmallow Cream

PREMIUM NEW QUALITY

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943-022-C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng


Contents: 12 pieces

Khối lượng tịnh / Net weight:
336 g (12 cái x 28 g)

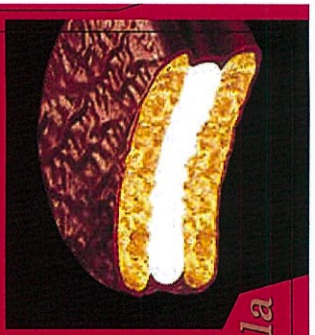

ChocoVina®

Bánh mềm Sôcôla

BiscaFun

**THÀNH PHẦN:**

**Bánh nền:** Bột mỳ, mạch nha, đường, chất béo (shortening), bột sữa béo, muối, chất tạo xốp (500ii, 503ii), chất điều chỉnh độ acid (341i), hương thực phẩm tổng hợp (vanilla), chất bảo quản (202).

**Kem:** Mạch nha, đường, gelatine, dầu dừa tinh, hương thực phẩm tổng hợp (vani).

**Sôcôla (20%):** Đường, chất béo (CBR), bột sữa gầy, bột ca cao, bột whey, ca cao mass, chất nhũ hóa (322i, 476), hương thực phẩm tổng hợp (vani, sôcôla).

**INGREDIENTS:**

**Cake:** Wheat flour, glucose syrup, sugar, fat (shortening), whole milk powder, salt, leavening agents (500ii, 503ii), acidity acjusting agent (341i), artificial flavour (vanilla), preservatives (202).

**Cream:** Glucose syrup, sugar, gelatine, soy protein, artificial flavour (vanillin).

**Chocolate coating (20%):** Sugar, fat (CBR), skim milk powder, cocoa powder, whey powder, cocoa mass, emulsifiers (322i, 476), artificial flavours (vanillin, chocolate).

**Khuyến cáo:** Không dùng cho người mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần kể trên.
**Recommendations:** Do not use for people who are sensitive or allergic to the above components.

**CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU (MAIN QUALITATIVE TARGETS)**

Độ ẩm: < 14% khối lượng

NSX & HSD: Xem trên bao bì

NUTRITION FACTS

| | |
|---|---|
| Serving Size: | 100g |
| Serving Per Container: | |

| Amount Per Serving | |
|---|---|
| Calories 418.66 | Calories from Fat 166.5 |
| | % Daily Value* |
| Total Fat 18.5g | 28.46% |
| Total Carbohydrate 58.5g | 19.5% |
| Protein 4.54g | |
| . Vitamin A 0% | . Vitamin C 0% |
| . Calcium 0% | . Iron 0% |

*Percent Daily Values are based on a 2,000 calories diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calories needs.

| | Calories | 2,000 | 2,500 |
|---|---|---|---|
| Total Fat | Less than | 65g | 80g |
| Sat fat | Less than | 20g | 25g |
| Cholesterol | Less than | 300mg | 300mg |
| Sodium | Less than | 2,400mg | 2,400mg |
| Total Carbohydrate | | 300g | 375g |
| Dietary Fiber | | 25g | 30g |

Calories per gram
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

**Hướng dẫn sử dụng:**
Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn, không sử dụng khi bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ hay quá hạn sử dụng.
Product is only used while the packing is undamaged, not use while the packing is open, torn and having unusual taste and smell or over expiry date.

**Hướng dẫn bảo quản:**
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.
Keep in dry and cool place, avoid from direct sunlight.

8 934614 019054

Sản xuất tại:
**NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**
Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Manufactured by:
**BISCAFUN CONFECTIONERY FACTORY – BRANCH OF QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY**
Address: 02 Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province, Vietnam
Tel: (84) 0255 3822 153
Email: info@biscafun.com.vn

341